

Số: 393/BC-UBND

Lai Châu, ngày 22 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình quản lý, sử dụng biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2022; kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Lai Châu năm 2023; bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023

Căn cứ Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế; số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định hội có tính chất đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-BNV ngày 30/9/2021 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Lai Châu năm 2022;

UBND tỉnh báo cáo tình hình quản lý, sử dụng biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2022; kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công

lập và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Lai Châu năm 2023; bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH GIAO BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM 2022

1. Biên chế công chức hành chính

- Bộ Nội vụ giao: 1.871 biên chế (*Quyết định số 1028/QĐ-BNV ngày 30/9/2021*).

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo giao cho các cơ quan, đơn vị: 1.836 biên chế (*Thông báo số 271-TB/TU ngày 26/11/2021*).

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định giao: 1.836 biên chế⁽¹⁾. Còn 35 biên chế để thực hiện tinh giản biên chế năm 2023.

2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp

- Bộ Nội vụ thẩm định giao: 15.413 người (trong đó số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 15.199 người; số người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp là 214 người) *tại Công văn số 5965/BNV-TCBC ngày 25/11/2021; bao gồm đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên*).

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo giao cho các cơ quan, đơn vị: 15.744 người⁽²⁾.

- HĐND tỉnh quyết định giao: 15.141 người³ hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

- UBND tỉnh giao 15.744 người⁴, gồm: Số lượng người làm việc trong đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 15.355 người (trong đó 15.141 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước và 214 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) và tỉnh phê duyệt cho đơn vị tự chủ chi thường xuyên và đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư là 389 người.

Còn 58 biên chế trong đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên để thực hiện tinh giản biên chế năm 2023.

¹ Tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 30/12/2021.

² Tại Thông báo số 321-TB/TU ngày 04/03/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

³ Tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của HĐND tỉnh.

⁴ Tại Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh.

3. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP

3.1. Trong các cơ quan, tổ chức hành chính

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo giao cho các cơ quan, đơn vị: 114 người (tại Thông báo số 271-TB/TU ngày 26/11/2021).

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định: 114 người⁽⁵⁾.

- Sau khi giao cho các cơ quan, tổ chức còn 01 biên chế hợp đồng 68 để dự phòng.

3.2. Trong các đơn vị sự nghiệp công lập

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo giao cho các cơ quan, đơn vị: 1.106 người (trong các đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên là 1.095 người (gồm 1.008 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước và 87 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) và đơn vị tự chủ chi thường xuyên: 11 người).

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định: 1.104 người (trong các đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên 1.095 người (gồm 1.008 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước và 87 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) và trong các đơn vị tự chủ chi thường xuyên 11 người).

Sau khi giao cho các cơ quan, đơn vị UBND tỉnh còn 90 hợp đồng 68 hưởng lương từ ngân sách nhà nước để dự phòng.

4. Biên chế của các Hội có tính chất đặc thù

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo giao cho các Hội: 76 người⁽⁶⁾.

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định: 76 người⁽⁷⁾.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2022

1. Về vị trí việc làm, thực hiện tinh giản biên chế

1.1. Về vị trí việc làm

UBND tỉnh ban hành văn Quyết định bãi bỏ một số vị trí việc làm công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính. Tiếp tục rà soát, triển khai thực hiện theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

⁵ Tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 30/12/2021.

⁶ Tại Thông báo số 271-TB/TU ngày 26/11/2021.

⁷ Tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 30/12/2021..

Tuy nhiên, đến nay bộ, ngành Trung ương chưa ban hành hướng dẫn về xác định cơ cấu ngạch công chức; hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương; vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung nên khó khăn trong công tác rà soát, phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm của tỉnh.

1.2. Việc thực hiện tinh giản biên chế

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế.

Năm 2022, UBND tỉnh giao giảm 56 biên chế công chức hành chính, người làm việc, hợp đồng lao động cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh so với số giao năm 2021 (*biên chế công chức hành chính tăng 07; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập giảm 65; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập tăng 02*). Trong đó, thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế: 41 người (hành chính: 1, sự nghiệp: 35, Hội: 1, xã: 4) nâng tổng số tinh giản biên chế lên 626 người (cơ quan hành chính 36 người; đơn vị sự nghiệp công lập 373 người, hội: 04; cán bộ, công chức cấp xã 213 người).

Việc thực hiện tinh giản biên chế đã góp phần làm tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Việc sử dụng biên chế công chức; số lượng người làm việc; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù (tính đến 01/10/2022)

2.1. Biên chế công chức hành chính

Tổng số cán bộ, công chức có mặt 1.630 người/1.836 biên chế công chức được giao, bằng 88,77% so với biên chế giao, trong đó:

- Nữ 620 người, chiếm 38,04%;
- Dân tộc thiểu số 446 người, chiếm 27,36%.
- Trình độ chuyên môn: Trên đại học 328 người, chiếm 19,75%; đại học 1.247 người, chiếm 76,50%; cao đẳng 07 người, chiếm 0,43%; trung cấp 47 người, chiếm 2,88%; còn lại 01 người, chiếm 0,06%.
- Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 07 người, chiếm 0,43%; cao cấp 439 người, chiếm 26,93%; trung cấp 685 người, chiếm 42,02%.
- Đã học quản lý nhà nước chương trình: Chuyên viên cao cấp 39 người, chiếm 2,39%; chuyên viên chính 512 người, chiếm 31,41%; chuyên viên và tương đương 989 người, chiếm 60,67%.
- Trình độ tin học: Đại học 20 người, chiếm 1,22%; Cao đẳng 05 người, chiếm 0,3%; Trung cấp 07 người, chiếm 0,43%; chứng chỉ 1.583 người, chiếm 97,11%.
- Trình độ ngoại ngữ: Đại học 29 người, chiếm 1,77%; cao đẳng 01 người, chiếm 0,06%; chứng chỉ 1.563 người, chiếm 95,88%.

(Có Phụ lục I kèm theo)

2.2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp

Tổng số người làm việc có mặt 14.426 người/15.744 số lượng người làm việc được giao, bằng 91,62% so với số đã giao, trong đó:

- Nữ 9.508 người, chiếm 65,9%.
- Dân tộc thiểu số 5.384 người, chiếm 37,32%.
- Trình độ chuyên môn: Trên đại học 351 người, chiếm 2,43%; đại học 9.200 người, chiếm 63,77%; cao đẳng 2.383 người chiếm 16,52%; trung cấp 2.322 người, chiếm 16,10%; còn lại 168 người, chiếm 1,16%.
- Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 01 người, chiếm 0,00069%; cao cấp 185 người, chiếm 1,28%; trung cấp 2.445 người, chiếm 16,81%.
- Đã học quản lý nhà nước chương trình: Chuyên viên cao cấp 14 người, chiếm 0,09%; chuyên viên chính và tương đương 106 người, chiếm 0,73%; chuyên viên và tương đương 2.235 người, chiếm 15,49%.
- Trình độ tin học: Đại học 158 người, chiếm 1,09%; cao đẳng 95 người, chiếm 0,65%; trung cấp 77 người, chiếm 0,53%; chứng chỉ 13.245 người, chiếm 91,81%.

- Trình độ ngoại ngữ: Đại học 245 người, chiếm 1,69%; cao đẳng 78 người, chiếm 0,54%; chứng chỉ 11.347 người, chiếm 78,65%.

(Có Phụ lục II kèm theo)

2.3. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính: Tổng số người có mặt 111 người/114 hợp đồng lao động được giao, bằng 97,36% so với số đã giao, trong đó:

+ Nữ 22 người, chiếm 19,82%.

+ Dân tộc thiểu số 25 người, chiếm 22,52%.

+ Trình độ chuyên môn: Đại học 17 người, chiếm 15,32%; Cao đẳng 03 người, chiếm 2,7%; trung cấp 15 người, chiếm 13,51%; chưa qua đào tạo 76 người, chiếm 68,47%.

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp: Tổng số người có mặt 1.053 người/1.106 hợp đồng lao động được giao, bằng 95,2% so với số đã giao, trong đó:

+ Nữ 427 người, chiếm 40,55%.

+ Dân tộc thiểu số 508 người, chiếm 48,24%.

+ Trình độ chuyên môn: Đại học 47 người, chiếm 4,46%; cao đẳng 19 người chiếm 1,8%; trung cấp 98 người, chiếm 9,31%; chưa qua đào tạo 889 người, chiếm 84,43%.

(Có Phụ lục III kèm theo)

2.4. Biên chế trong các tổ chức Hội có tính chất đặc thù

Tổng số người làm việc có mặt 74 người/76 biên chế được giao, bằng 97,36% so với số được giao, trong đó:

- Nữ: 43 người chiếm 58,11%.

- Dân tộc thiểu số: 21 người chiếm 28,38%.

- Trình độ chuyên môn: Trên đại học 08 người, chiếm 10,81%; đại học 62 người, chiếm 83,78%; cao đẳng 01 người chiếm 1,35%; chưa qua đào tạo 03 người, chiếm 4,05%.

- Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 01 người, chiếm 1,35%; cao cấp 24 người, chiếm 32,43%; trung cấp 31 người, chiếm 41,89%.

- Đã học quản lý nhà nước chương trình: Chuyên viên cao cấp 01 người, chiếm 1,35%; chuyên viên chính 18 người, chiếm 24,32%; chuyên viên và tương đương 47 người, chiếm 63,51%.

- Trình độ tin học: Đại học 01 người, chiếm 1,35%; trung cấp 02 người, chiếm 2,70%; chứng chỉ 67 người, chiếm 90,54%.

- Trình độ ngoại ngữ: Đại học 07 người, chiếm 9,54%; chứng chỉ 62 người, chiếm 83,78%.

(Có Phụ lục IV kèm theo)

3. Việc tuyển dụng công chức, viên chức

UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Lai Châu năm 2021; Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức năm 2022; Quyết định tiếp nhận vào làm công chức cho 73 người; Quyết định phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Lai Châu năm 2021; Quyết định tuyển dụng công chức cho 48 người; Quyết định về việc hủy kết quả trúng tuyển kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Lai Châu năm 2021 đối với 01 người.

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai và hoàn thành việc khắc phục sai phạm trong công tác cán bộ theo Kết luận số 48-KL/TW, Kết luận số 71-KL/TW, Kết luận số 27-KL/TW của Ban Bí thư.

4. Việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Lãnh, chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch đã được phê duyệt. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022; Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 13/5/2022, Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022; Báo cáo Bộ Nội vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm năm 2022; Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025; phê duyệt chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành năm 2022; bổ sung kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022. Kết quả: Cử 15 công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học, tương đương; 02 công chức đi bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch mở lớp, quy định rõ đối tượng, mục tiêu và nội dung đào tạo, bồi dưỡng. Năm 2022, mở 91 lớp đào tạo, bồi dưỡng chức vụ lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; bồi dưỡng theo vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành.

5. Công tác bổ nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thực hiện dựa trên nhu cầu thực tiễn tại các cơ quan, đơn vị, trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, số lượng cấp phó một số phòng, đơn vị thuộc Sở cao hơn so với quy định; đồng thời có giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại số lượng cấp phó trong thời hạn tối đa 3 năm kể từ ngày sáp nhập để đảm bảo số lượng cấp phó theo quy định.

Từ 01/01/2022 đến 01/10/2022, UBND tỉnh đã ban hành quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động và bổ nhiệm, tiếp nhận và bổ nhiệm, luân chuyển và bổ nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ, giao nhiệm vụ cho 35 công chức, viên chức⁸; thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động và bổ nhiệm, luân chuyển và bổ nhiệm 440 công chức, viên chức⁽⁹⁾. Việc bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý cấp trưởng và bổ nhiệm lại cấp phó thực hiện theo quy định. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động và bổ nhiệm, luân chuyển và bổ nhiệm đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và quản lý nhà nước theo quy định của vị trí, chức vụ được bổ nhiệm.

6. Việc kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức

Việc kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. Từ 01/01/2022 đến 01/10/2022, lãnh đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đã quyết định kỷ luật 95 cán bộ, công chức, viên chức (*trong đó khiển trách 67, cảnh cáo 13, cách chức 05, buộc thôi việc 10*).

7. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức

Quan tâm thực hiện tốt chính sách cán bộ như nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, giải quyết chế độ nghỉ hưu; nâng

⁸ Bổ nhiệm 09 công chức; bổ nhiệm lại 07 công chức; điều động và bổ nhiệm 05 công chức, viên chức; tiếp nhận và bổ nhiệm 02 công chức; hiệp y bổ nhiệm 06 người; Quyết định thôi việc 01 công chức; giới thiệu chức vụ lãnh đạo 05 người.

⁹ Bổ nhiệm mới 66; bổ nhiệm lại 182; điều động và bổ nhiệm 132; luân chuyển và bổ nhiệm 04; giao nhiệm vụ 20 công chức, viên chức; kéo dài thời gian giữ chức vụ 18; chấm dứt nhiệm vụ phụ trách 02 công chức; tiếp nhận và bổ nhiệm 11 công chức, viên chức; giới thiệu bầu 06 công chức, viên chức.

bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn thực hiện đảm bảo đúng quy định: Quyết định phê duyệt kết quả xét thăng hạng y tế cho 251 viên chức ngành y tế. Tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức năm 2022 cho 126 người; quyết định bổ nhiệm 07 chuyên viên cao cấp; cử 06 viên chức dự thi ngành Tài nguyên môi trường năm 2022.

Việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, số người nâng bậc lương trước thời hạn đảm bảo tỷ lệ không quá 10% trong tổng biên chế của cơ quan, đơn vị. Kết quả: UBND tỉnh quyết định nâng lương diện cho 64 cán bộ, công chức diện Tỉnh ủy quản lý. Việc trả lương, các chế độ khác (*phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp chức vụ lãnh đạo...*) đối với công chức, viên chức do các cơ quan, đơn vị chi trả đảm bảo đầy đủ, kịp thời trong nguồn kinh phí được cấp hàng năm.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Việc giao biên chế, quản lý và sử dụng biên chế công chức; số người làm việc; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù của tỉnh thực hiện đúng quy định, thẩm quyền; đảm bảo không vượt so với tổng biên chế được Bộ Nội vụ giao, thẩm định.

Tích cực, chủ động tham mưu sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy theo đúng quy định sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các tổ chức của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện sáp nhập, giải thể các đơn vị; thực hiện tinh giản biên chế theo đúng mục tiêu đã đề ra. Quy định và quản lý chặt chẽ biên chế đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị trên cơ sở phân loại tổ chức, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức và xác định vị trí việc làm một cách khoa học, sát thực tế.

Công tác tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, thủ tục, không tuyển dụng vượt biên chế được giao. Kế hoạch tuyển dụng được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, mở rộng các đối tượng tham gia dự tuyển; tất cả các đối tượng tham gia dự tuyển có trình độ chuyên môn phù hợp với các vị trí cần tuyển.

Việc bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện đúng quy trình, công khai, minh bạch. Công chức được bổ nhiệm đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Số lượng cấp phó ở các cơ quan, tổ chức hành chính cơ bản thực hiện đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và việc giải quyết các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo kịp thời theo quy định của pháp luật góp phần quan trọng vào việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh rất ít, đa số thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; biên chế giao cho các đơn vị sự nghiệp y tế, giáo dục và đào tạo chiếm khoảng 90% tổng biên chế giao cho các đơn vị sự nghiệp toàn tỉnh. Để đảm bảo đến năm 2026 giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 theo Nghị quyết và Kết luận của Trung ương, hằng năm tỉnh phải giảm biên chế sự nghiệp y tế và giáo dục và đào tạo; do vậy, biên chế sự nghiệp y tế và giáo dục và đào tạo chưa bố trí đủ định mức theo quy định.

Việc tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế viên chức gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc giao số lượng người làm việc cho các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, nhất là ngành giáo dục và y tế.

Còn một số công chức, viên chức vi phạm bị xử lý kỷ luật.

Một số quy định, hướng dẫn của Trung ương chậm được sửa đổi, bổ sung, thiếu thống nhất, đồng bộ nên quá trình triển khai thực hiện có việc còn gặp khó khăn, lúng túng như: Chưa quy định khung về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, chi cục, cấp phòng thuộc sở, cấp phòng thuộc chi cục thuộc sở và cấp phòng thuộc UBND cấp huyện; chưa hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chi cục thuộc sở; hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo ngành, lĩnh vực quản lý; chưa quy định tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền hành và danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực nên khó khăn trong quá trình thực hiện sắp xếp do số lượng các đơn vị chưa đáp ứng số lượng người làm việc tối thiểu quy định lớn. Chưa hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và xác định cơ cấu ngạch công chức; hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương, vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Đến nay, còn nhiều bộ, ngành trung ương chưa có tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền và danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực; chưa ban hành hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chi cục thuộc sở; hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo ngành, lĩnh vực quản lý nên khó khăn trong quá trình thực hiện sắp xếp do số lượng các đơn vị chưa đáp ứng số lượng người làm việc tối thiểu quy định lớn; chưa ban hành hướng dẫn về xác định cơ cấu ngạch công chức; hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương; vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung.

Ý thức tổ chức kỷ luật của một số công chức, viên chức còn chưa cao; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM 2023

1. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đẩy mạnh thực hiện việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định nhằm tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, tiết kiệm biên chế, nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ nhằm tinh gọn bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể, gắn đánh giá với việc bình xét các phong trào thi đua và hình thức khen thưởng.

3. Tập trung chỉ đạo việc tổ chức tuyển dụng công chức cho các cơ quan, địa phương trong tỉnh đảm bảo cơ cấu vị trí việc làm, số lượng biên chế trên cơ sở đã tính lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2026. Tổ chức các kỳ thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền đúng quy định.

4. Thực hiện điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức; quy định về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước sau khi có hướng dẫn của bộ, ngành trung ương.

5. Tiếp tục thực hiện tốt công tác khảo sát, xây dựng ban hành kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức năm 2024; rà soát chất lượng đội ngũ cán bộ, trên cơ sở đó, mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn hoặc cử đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, tình hình thực tiễn địa phương, góp phần từng bước nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi toàn tỉnh.

B. KẾ HOẠCH GIAO BIÊN CHẾ NĂM 2023

I. NGUYÊN TẮC GIAO

1. Việc giao biên chế đảm bảo thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo tỷ lệ tinh giảm biên chế giai đoạn 2021-2026 đạt ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước.

3. Việc giao biên chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và thực tế việc sử dụng biên chế được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối với các huyện, thành phố đảm bảo giao biên chế phù hợp với vị trí, việc làm và trên cơ sở quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và tình hình thực tế của địa phương để thực hiện cắt giảm đạt tỷ lệ theo quy định.

4. Giữ nguyên biên chế đối với các cơ quan, đơn vị được giao ít biên chế; tiếp tục tinh giản biên chế đối với các cơ quan, đơn vị trên cơ sở cắt giảm số biên chế chưa sử dụng và số biên chế hưởng từ nguồn ngân sách nhà nước sang hưởng từ nguồn thu sự nghiệp.

5. Chỉ được tăng biên chế cán bộ, công chức khi thành lập tổ chức mới hoặc tổ chức, cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao thêm nhiệm vụ.

II. PHƯƠNG ÁN GIAO

1. Biên chế công chức hành chính

Trên cơ sở số biên chế trung ương giao năm 2021 (1.871)¹⁰, thực hiện lộ trình giảm 5% biên chế hành chính đến năm 2026 tại các cơ quan, địa phương (tương ứng giảm 94 biên chế, trung bình mỗi năm giảm 23,5 biên chế) so với số biên chế trung ương giao năm 2021. Năm 2022 tỉnh giao 1.836 biên chế, còn dự

¹⁰ Quyết định số 1028/QĐ-BNV ngày 30/9/2021 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Lai Châu năm 2022.

phòng 35 biên chế để thực hiện tinh giảm đến năm 2026; như vậy từ năm 2023 đến năm 2026 chỉ phải giảm 59 biên chế tại các cơ quan, đơn vị.

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan và lộ trình tinh giản biên chế, UBND đề nghị HĐND tỉnh giao biên chế công chức năm 2023 là 1.826 biên chế, giảm 10 biên chế so với số giao năm 2022 trong đó:

- Giữ nguyên 430 biên chế của 12 sở, ngành tỉnh so với số đã giao năm 2022 (gồm Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Sở Ngoại vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Thanh tra tỉnh; Ban Dân tộc tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Công thương; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh).

- Giảm 22 biên chế của 07 sở, ngành và 08 Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, gồm:

(1) Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; thành phố Lai Châu; Tam Đường; Tân Uyên; Than Uyên mỗi cơ quan, địa phương giảm 01 biên chế.

(2) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm 04 biên chế.

(3) Huyện Phong Thổ; Sìn Hồ; Mường Tè; Nậm Nhùn mỗi huyện giảm 02 biên chế.

- Tăng 12 biên chế so với số đã giao năm 2022 cho 03 cơ quan, cụ thể:

(1) Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh: Tăng 10 biên chế do thành lập Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng theo Thông báo số 369-TB/TU ngày 20/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ và Quyết định số 1182/QĐ-TTg ngày 06/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Lai Châu. Sau khi tăng, biên chế của Ban là 21 biên chế.

(2) Sở Thông tin và Truyền thông: Tăng 01 biên chế, sau khi tăng biên chế của Sở Thông tin và Truyền thông là 24 biên chế.

Lý do tăng: Theo Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; trong đó bổ sung thêm nhiệm vụ về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; biên chế được giao ít; trung bình biên chế/phòng ít (4,75 biên chế/1 phòng). Bên cạnh đó, thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 -2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Sở Thông tin và Truyền thông có nhiều nhiệm vụ phát sinh liên quan đến nhiệm vụ chuyển đổi số.

(3) Sở Khoa học và Công nghệ: Tăng 01 biên chế, sau khi tăng biên chế của Sở là 27 biên chế.

Lý do tăng: Tăng 01 biên chế cho Sở Khoa học công nghệ do Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 của Bộ Khoa học công nghệ bổ sung thêm nhiệm vụ quản lý phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hàng năm quản lý từ 40 - 50 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp nhà nước; số lượng công chức ít phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ tại các vị trí: quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; quản lý hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân; sở hữu trí tuệ. Khối lượng các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp thực hiện áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ngày càng tăng. Mặt khác, biên chế chưa sử dụng không còn; giai đoạn đến năm 2026 không có người nghỉ hưu.

(Có Phụ lục V kèm theo)

2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

2.1. Đề nghị HĐND tỉnh giao biên chế năm 2023

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan và lộ trình tinh giảm biên chế đến 2026, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao biên chế đến năm 2023 là: 15.507 người, cụ thể như sau:

2.1.1. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước

Trên cơ sở biên chế của Trung ương giao năm 2021, 2022 (15.478)¹¹, thực hiện lộ trình giảm 10% biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước đến năm 2026 tại các cơ quan, địa phương (tương ứng giảm 1.548 biên chế) so với số biên chế trung ương giao năm 2021. Năm 2022 tỉnh giao 15.141 biên chế, còn dự phòng 58 biên chế để thực hiện tinh giảm đến năm 2026. Theo đó năm 2022 đã giảm được 337 biên chế (bao gồm cả biên chế dự phòng). Như vậy, từ 2023 đến 2026 chỉ phải giảm 1.211 biên chế tại các cơ quan, đơn vị

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan và lộ trình tinh giảm biên chế đến 2026, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao số lượng người làm việc hưởng

¹¹ Công văn số 4455/BNV-TCBC ngày 27/8/2020 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Lai Châu năm 2021.

lương từ ngân sách nhà nước là 14.825 người, giảm 316 người so với số tỉnh giao năm 2022 (15.141 người) cụ thể:

- Giữ nguyên 310 người của 11 sở, ngành tỉnh so với số đã giao năm 2022¹².

- Giảm 321 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong đó:

+ Giảm 246 người làm việc so với năm 2022 tại 09 đơn vị, địa phương theo lộ trình:

(1) Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông giảm 01 người.

(2) UBND thành phố Lai Châu giảm 24 người, sau khi giảm còn 937 người.

(3) UBND huyện Tam Đường giảm 30 người, sau khi giảm còn 1.282 người.

(4) UBND huyện Tân Uyên giảm 31 người, sau khi giảm còn 1.313 người.

(5) UBND huyện Than Uyên giảm 35 người, sau khi giảm còn 1.508 người.

(6) UBND huyện Phong Thổ giảm 40 người, sau khi giảm còn 1.744 người.

(7) UBND huyện Sìn Hồ giảm 42 người, sau khi giảm còn 1.837 người.

(8) UBND huyện Mường Tè giảm 31 người, sau khi giảm còn 1.354 người.

(9) UBND huyện Nậm Nhùn giảm 12 người, sau khi giảm còn 804 người.

+ Giảm 75 người làm việc so với năm 2022 tại 08 cơ quan, đơn vị do chuyển từ hưởng lương từ ngân sách nhà nước sang hưởng từ nguồn thu sự nghiệp (trong đó 64 chuyển sang hưởng từ nguồn thu của đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và 07 chuyển sang hưởng từ nguồn thu của đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên):

(1) Sở Xây dựng giảm 06 người (chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị tự chủ chi thường xuyên), sau khi giảm Sở Xây dựng không còn người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

(2) Sở Thông tin và Truyền thông giảm 01 người (chuyển sang hưởng từ nguồn thu của đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên), sau khi giảm còn 20 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

(3) Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 02 người (chuyển sang hưởng từ nguồn thu của đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên), sau khi giảm còn 44 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

(4) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm 05 người (chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên), sau khi

¹² Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Ban quản lý Trung tâm hành chính – chính trị tỉnh, Trung tâm Hoạt động thanh thiếu nhi.

giảm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 46 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

(5) Sở Y tế giảm 39 người (*chuyển sang hưởng từ nguồn thu của đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên*), sau khi giảm còn 2.527 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

(6) Sở Giáo dục và Đào tạo giảm 17 người (*chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên*), sau khi giảm còn 881 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

(7) Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh giảm 02 người (*chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên*), sau khi giảm còn 108 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

(8) Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh giảm 03 người (*chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên*), sau khi giảm Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh có 86 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Tăng 05 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với số đã giao năm 2022 cho Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh do thành lập Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng theo Thông báo số 369-TB/TU ngày 20/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ và Quyết định số 1182/QĐ-TTg ngày 06/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lai Châu. Sau khi tăng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có 15 người làm việc.

2.1.2. Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc ngành lĩnh vực chưa có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Năm 2023 giao là 268 người, tăng 54 người so với số giao năm 2022 tại 06 cơ quan, đơn vị do chuyển từ hưởng lương ngân sách nhà nước sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp, cụ thể:

- Tăng 64 người do chuyển từ hưởng lương ngân sách nhà nước sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp:

(1) Sở Thông tin và Truyền thông 01 người, sau khi tăng Sở Thông tin và Truyền thông có 01 người .

(2) Sở Tài nguyên và Môi trường 02 người, sau khi tăng Sở Tài nguyên và Môi trường có 04 người.

(3) Sở Giáo dục và Đào tạo tăng 17 người, sau khi tăng Sở Giáo dục và Đào tạo có 17 người.

(4) Sở Y tế 39 người, sau khi tăng Sở Y tế có 234 người.

(5) Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh 03 người, sau khi tăng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh có 03 người.

(6) Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh 02 người, sau khi tăng Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh có 04 người.

- Giảm 10 người của Sở Xây dựng do đang hưởng từ nguồn thu sự nghiệp từ đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên sang đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên.

2.1.3. Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (không sử dụng ngân sách nhà nước và Trung ương không thẩm định): 414 người, tăng 25 người so với năm 2022:

- Giữ nguyên 389 người tại 12 cơ quan, địa phương.

- Tăng 25 người tại 04 cơ quan, địa phương:

(1) Sở Xây dựng 16 người (do chuyển sang tự chủ chi thường xuyên).

(2) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 05 người (chuyển từ hưởng lương ngân sách nhà nước sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên), sau khi tăng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 13 người.

(3) Thành phố Lai Châu 02 người, sau khi tăng Thành phố Lai Châu có 15 người.

(4) Sở Tư pháp 02 người, sau khi tăng Sở Tư pháp có 05 người.

Lý do: Theo khoản 1 Điều 16 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập quy định thẩm quyền người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Do vậy, theo yêu cầu công việc và khả năng tự chủ ngoài số biên chế đã được giao đề nghị bổ sung thêm 02 biên chế hưởng từ nguồn thu sự nghiệp cho Trung tâm dịch vụ đấu giá Tài sản là đơn vị tự chủ chi thường xuyên.

2.2. UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước là: 14.825 người, giảm 316 người so với số tỉnh giao năm 2022 (15.141 người).

2.3. UBND tỉnh giao sau khi có ý kiến của HĐND tỉnh là: 15.507 người.

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 14.825 người, giảm 316 người so với số tính giao năm 2022 (15.141 người).

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc ngành lĩnh vực chưa có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 268 người, tăng 54 người so với số giao năm 2022.

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (*không sử dụng ngân sách nhà nước*) là 414 người, tăng 25 người so với năm 2022.

(Có Phụ lục VI kèm theo)

3. Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

3.1. Trong các cơ quan, tổ chức hành chính

Năm 2023, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính năm 2022 là 115 người, tăng 01 người so với số giao năm 2022, cụ thể:

- Giữ nguyên 114 người của 20 sở, ngành tỉnh và 08 UBND các huyện, thành phố so với số đã giao năm 2022.

- Tăng 01 người so với số giao năm 2022 để giao bổ sung cho Văn phòng UBND tỉnh. **Lý do:** Trụ sở Ban tiếp công dân được bố trí độc lập, cách xa trung tâm không có bảo vệ trông coi cơ sở vật chất, biên chế được giao 04, chủ yếu là nữ đồng thời trong quá trình tiếp công dân có lúc phức tạp, chưa đảm bảo an toàn trong thực hiện nhiệm vụ ... Để đảm bảo an toàn về cơ sở vật chất, cũng như an toàn trong công tác tiếp công dân, Văn phòng UBND tỉnh đề xuất thêm 01 hợp đồng làm nhiệm vụ bảo vệ.

* Sau khi giao bổ sung 01 hợp đồng 68/2000/NĐ-CP cho Văn phòng UBND tỉnh; tỉnh không còn biên chế dự phòng.

3.2. Trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Trình HĐND tỉnh giao hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 là 1.118 người, tăng 11 người so với số giao năm 2022 do chuyển từ hưởng lương ngân sách nhà nước sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp và bổ sung hợp đồng 68, trong đó:

- Số hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 1.019, tăng 11 người năm 2022, cụ thể:

+ Giữ nguyên 962 người hưởng từ ngân sách nhà nước tại 16 cơ quan, địa phương.

+ Giảm 02 người:

(1) Sở Thông tin và Truyền thông giảm 01 người do Trung tâm thuộc Sở Thông tin và Truyền thông không bố trí xe, sau khi giảm chuyển vào dự phòng của tỉnh.

(2) Sở Nông nghiệp và PTNT giảm 01 người chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu; sau khi chuyển số hợp đồng 68 là 02 người.

+ Tăng 13 người tại 02 cơ quan, địa phương:

(1) Sở Khoa học và Công nghệ tăng 02 người. **Lý do:** Trung tâm kiểm định và phát triển khoa học công nghệ hiện chưa có hợp đồng 68; trong khi đó trụ sở của trung tâm là đơn vị biệt lập không thuộc Khu trung tâm của đơn vị sự nghiệp của tỉnh và có 01 cơ sở trại thực nghiệm đặt tại huyện Tam Đường; vì vậy đề nghị bổ sung 02 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ theo hợp đồng 68 để bảo vệ tài sản của cơ quan, đơn vị; sau khi tăng hợp đồng 68 của Trung tâm là 02 người.

(2) UBND huyện Nậm Nhùn tăng 11 người, sau khi tăng hợp đồng 68/2000/NĐ-CP, Nghị định 161/2018/NĐ-CP của UBND huyện Nậm Nhùn là 53 người. **Lý do:** Năm 2022, UBND huyện Nậm Nhùn được giao 42 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ (*trong đó lĩnh vực giáo dục được giao 41 người*). Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP hiện có là 41 người (*Bảo vệ: 28; Phục vụ: 13*). Hiện nay, UBND huyện Nậm Nhùn có 31 trường với 150 điểm trường (*THCS: 09 trường với 09 điểm trường có 09 bảo vệ, 03 phục vụ và Liên cấp TH và THCS: 02 trường có 01 bảo vệ, 01 phục vụ; Tiểu học: 09 trường với 64 điểm trường có 09 bảo vệ, 04 phục vụ; Mầm non: 11 trường với 75 điểm trường có 09 bảo vệ, 05 phục vụ*). Đối chiếu theo định mức hợp đồng lao động theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Liên Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Nội vụ⁽¹³⁾; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo⁽¹⁴⁾; UBND huyện Nậm Nhùn cần 62 bảo vệ (*mỗi trường 02 người, chưa kể điểm trường*); cần 20 nhân viên phục vụ (*các trường Tiểu học và THCS áp dụng trung bình mỗi trường 01 phục vụ*). Như vậy, theo định mức hiện thiếu 34 bảo vệ và 07 nhân viên phục vụ. Mặt khác, các trường học sáp nhập những có hai điểm trường cách xa nhau (khoảng 15-20km); số học sinh bán trú đông trên 300 học sinh, khu bán trú biệt lập với trường. Sau khi tăng 11 hợp đồng 68, Ủy ban nhân dân huyện Nậm Nhùn có 53 người.

⁽¹³⁾ Bảo vệ: Căn cứ vào điều kiện kinh phí, nhu cầu, nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non ký hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, nhưng không vượt quá 02 người.

⁽¹⁴⁾ Các trường được bố trí lao động hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ vệ sinh, bảo vệ. Trường có tổ chức cho học sinh bán trú, nội trú thì có thể bố trí lao động hợp đồng để thực hiện công việc nấu ăn cho học sinh.

- Số hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 99 người; tăng 01 người do chuyển hưởng lương từ ngân sách nhà nước sang hưởng lương từ nguồn thu tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.

b) UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2022 là 1.019 người, tăng 11 người so với năm 2022.

c) UBND tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị sau khi có ý kiến của HĐND tỉnh là 1.118 người.

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2022 là 1.019 người, tăng 11 người so với năm 2022.

Sau khi giao cho các cơ quan, số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước còn dự phòng là 79 người.

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP hưởng lương từ nguồn thu tại đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên năm 2023 là 87 người.

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP hưởng lương từ nguồn thu trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên năm 2022 là 12 người.

(Có Phụ lục VII kèm theo)

4. Biên chế của các Hội có tính chất đặc thù

UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao biên chế trong các tổ chức Hội có tính chất đặc thù năm 2023 là 76 biên chế, giữ nguyên so với số giao năm 2022.

(Có Phụ lục VIII kèm theo)

C. GIAO BỔ SUNG BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2022-2023

I. THỰC TRẠNG SỐ TRƯỜNG, SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH NĂM HỌC 2022-2023

Năm học 2022 - 2023 trên địa bàn toàn tỉnh có 333 trường, 5.458 lớp với 150.799 học sinh, cụ thể như sau:

1. Cấp Mầm non: 113 trường, 1.607 lớp với 37.550 học sinh; bình quân số học sinh/lớp là 23,4, trong đó:

- Nhà trẻ: 241 lớp với 6.574 học sinh

- Mẫu giáo: 1.366 lớp với 30.976 học sinh

2. Cấp Tiểu học: 86 trường, 2.417 lớp với 58.641 học sinh; bình quân học sinh/lớp là 24,3.

3. Cấp Trung học cơ sở: 110 trường, 1.138 lớp với 42.012 học sinh; bình quân học sinh/lớp là 36,9.

4. Cấp Trung học phổ thông: 23 trường, 296 lớp với 12.596 học sinh; bình quân học sinh/lớp là 42,6.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN CÔNG LẬP THUỘC UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022-2023

Tổng số biên chế sự nghiệp giáo dục giao năm học 2022-2023 là 11.360 người làm việc; số biên chế viên chức ngành giáo dục có mặt tại thời điểm 01/10/2022 là 10.495/11.360 người, đạt tỷ lệ 92,3%, còn 865 biên chế chưa sử dụng đã sử dụng. Số biên chế chưa sử dụng chủ yếu là giáo viên xin chuyển vùng ra ngoài tỉnh, giáo viên xin thôi việc, nghỉ hưu và một số cơ quan, địa phương tuyển dụng không đạt chỉ tiêu theo kế hoạch, một số dự phòng để thực hiện lộ trình tinh giản biên chế. Cụ thể như sau:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo: Năm học 2022-2023 được giao 901 biên chế sự nghiệp giáo dục; số có mặt là 839 người; số chưa sử dụng là 62 biên chế.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu: Năm học 2022-2023 được giao 898 biên chế sự nghiệp giáo dục; số có mặt 877 người, số chưa sử dụng là 21 biên chế.

3. Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường: Năm học 2022-2023 được giao 1.246 biên chế sự nghiệp giáo dục; số có mặt 1.179 người, số chưa sử dụng là 67 biên chế.

4. Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên: Năm học 2022-2023 được giao 1.277 biên chế sự nghiệp giáo dục; số có mặt 1.156 người, số chưa sử dụng là 121 biên chế.

5. Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên: Năm học 2022-2023 được giao 1.464 biên chế sự nghiệp giáo dục; số có mặt 1.407 người, số chưa sử dụng là 57 biên chế.

6. Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ: Năm học 2022-2023 được giao 1.708 biên chế sự nghiệp giáo dục; số có mặt 1.561 người, số chưa sử dụng là 147 biên chế.

7. Ủy ban nhân dân huyện Sìn Hồ: Năm học 2022-2023 được giao 1.799 biên chế sự nghiệp giáo dục; số có mặt 1.649 người, số chưa sử dụng là 150 biên chế.

8. Ủy ban nhân dân huyện Nậm Nhùn: Năm học 2022-2023 được giao 761 biên chế sự nghiệp giáo dục; số có mặt 679 người, số chưa sử dụng là 82 biên chế.

9. Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè: Năm học 2022-2023 được giao 1.306 biên chế sự nghiệp giáo dục; số có mặt 1.148 người, số chưa sử dụng là 158 biên chế.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ GIAO BỔ SUNG BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN NĂM HỌC 2022-2023

Theo khoản 2, Điều 2 Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026, ngoài số biên chế viên chức giao và thực hiện tinh giản theo lộ trình giai đoạn 2022-2026, Trung ương giao bổ sung cho tỉnh 163 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo, trong đó: giáo viên mầm non 47; giáo viên tiểu học 53; giáo viên trung học cơ sở 51; giáo viên trung học phổ thông 12.

IV. PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN GIAO BỔ SUNG BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN CÔNG LẬP CHO UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ VÀ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2022-2023

1. Nguyên tắc giao

- Việc xác định biên chế còn thiếu trên cơ sở định mức theo quy định¹⁵; số trường, số lớp, số học sinh năm học 2022-2023 và trên thực trạng việc sử dụng biên chế. Các đơn vị có số lượng giáo viên chưa sử dụng còn nhiều, xem xét giao bổ sung thấp hơn so với các đơn vị khác hoặc không giao bổ sung biên chế.

- Việc bổ sung một phần biên chế giáo viên các bậc học còn thiếu so với định mức trên cơ sở số biên chế giáo dục năm học 2022-2023 được Ban Tổ chức Trung ương giao bổ sung và căn cứ tỷ lệ giáo viên trung bình trên lớp đối chiếu với quy định về tỷ lệ giáo viên tối đa trên lớp theo từng cấp học¹⁶ và tỷ lệ học sinh trung bình trên lớp theo từng cấp học đối chiếu với quy định về tỷ lệ học sinh trên lớp tối đa theo từng cấp học¹⁷: Các đơn vị có tỷ lệ giáo viên/lớp thấp và tỷ lệ học sinh/lớp học cao sẽ được tính toán ưu tiên giao bổ sung nhiều số lượng

¹⁵ Định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc; định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

¹⁶ Mầm non trung bình 2,2 giáo viên/lớp; Tiểu học trung bình không quá 1,5 giáo viên/lớp; THCS trung bình không quá 2,2 giáo viên/lớp; THPT trung bình không quá 2,25 giáo viên/lớp đối với trường THPT, 2,4 giáo viên/lớp đối với trường PTDTNT tỉnh, 3,1 giáo viên trên lớp đối với trường THPT chuyên.

¹⁷ Mầm non tính trung bình 30 học sinh/lớp; Tiểu học 35 học sinh/lớp; THCS và THPT không quá 45 học sinh/lớp.

người làm việc hơn nhưng vẫn đảm bảo không vượt quá định mức giáo viên/lớp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các đơn vị có tỷ lệ giáo viên ở một số cấp học đã đạt hoặc có tỷ lệ giáo viên trên lớp cao hơn theo quy định (*do giảm quy mô lớp học so với năm trước*), xem xét không giao bổ sung biên chế giáo viên tại cấp học đó và đề nghị đơn vị thực hiện việc điều chỉnh số lượng biên chế giáo viên theo từng cấp học cho phù hợp.

2. Phương án dự kiến giao bổ sung biên chế giáo viên cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thành phố

Trên cơ sở đề xuất của UBND các huyện, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao bổ sung 163 biên chế giáo viên cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

2.1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Cấp THPT: Giao bổ sung biên chế giáo viên đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: 12 người; bằng số trung ương giao.

2.2. Đối với cấp THCS

- 03 địa phương không phân bổ bổ sung, gồm: huyện Mường Tè, huyện Tân Uyên và huyện Than Uyên. Lý do: cơ bản đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp theo quy định¹⁸.

- 05 huyện, thành phố được phân bổ biên chế: Thành phố 06, Tam Đường 12, Phong Thổ 09, Sìn Hồ 15, Nậm Nhùn 9. **Lý do:** Trong đó ưu tiên các huyện có tỷ lệ giáo viên/lớp thấp, học sinh/lớp cao và huyện có trường phổ thông dân tộc bán trú nhiều. Đối với huyện Sìn Hồ, Phong Thổ có tỷ lệ giáo viên/lớp 1,9; huyện Nậm Nhùn có tỷ lệ giáo viên/lớp 2,0 tuy nhiên là huyện có nhiều trường phổ thông dân tộc bán trú nhiều nên đề nghị bổ sung.

2.3. Đối với cấp Tiểu học

- 05 huyện không phân bổ bổ sung do cơ bản đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp theo quy định và có nơi thừa giáo viên¹⁹.

- 03 huyện, thành phố còn lại phân bổ giáo viên Tiểu học, trong đó ưu tiên các huyện có tỷ lệ giáo viên/lớp thấp và tỷ lệ học sinh/lớp cao gồm: Thành phố Lai Châu 5, Tam Đường 13, Sìn Hồ 35.

¹⁸ Huyện Mường Tè đạt 2,2 giáo viên/lớp; huyện Tân Uyên đạt 2,0 giáo viên/lớp) và huyện Than Uyên tỷ lệ 1,8 giáo viên/lớp, tuy nhiên hiện nay biên chế giáo viên bậc Tiểu học huyện Than Uyên đang thừa so với định mức quy định là 59, do vậy đề nghị huyện Than Uyên điều chỉnh số biên chế chưa sử dụng của bậc Tiểu học sang bậc THCS để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao; số chưa sử dụng nhiều (Tân Uyên 36; Mường Tè 64; Than Uyên 33).

¹⁹ Huyện Than Uyên thừa giáo viên theo định mức 59, vượt tỷ lệ giáo viên/lớp theo quy định 1,7; huyện Tân Uyên thừa giáo viên theo định mức 10; huyện Mường Tè thừa giáo viên theo định mức 13; huyện Phong Thổ định mức giáo viên/lớp cơ bản gần đảm bảo 1,49; huyện Nậm Nhùn định mức giáo viên/lớp cơ bản gần đảm bảo 1,48.

2.4. Đối với bậc Mầm non

- 05 huyện, thành phố không phân bổ bổ sung do tỷ lệ giáo viên/lớp cơ bản đảm bảo và gần đạt mức định mức sàn, gồm: Thành phố Lai Châu, huyện Tam Đường, huyện Tân Uyên, huyện Than Uyên, huyện Mường Tè²⁰.

- 03 huyện còn lại do tỷ lệ giáo viên/lớp thấp trước mắt ưu tiên bổ sung cho huyện Phong Thổ 9, Sìn Hồ 13, Nậm Nhùn 25.

(Có phụ lục IX kèm theo)

Trên đây là Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2022; kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Lai Châu năm 2023; bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TH2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải

²⁰ Thành phố Lai Châu 2,2 giáo viên/lớp; huyện Tam Đường 1,75; huyện Tân Uyên 1,88; huyện Than Uyên 2,09; huyện Mường Tè 1,83.